TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số 20/2024/HS-ST Ngày 28/02/2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn;

Ông Nguyễn Quang Hiển.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Trịnh Văn A, sinh năm 1998; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A1, xã A2, huyện A3, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Quang A4 và con bà Nguyễn Thị A5; gia đình bị cáo có 04 anh chị em; bị cáo là con thứ tư; họ tên vợ: Hoàng Thị A6, sinh năm 2001; bị cáo có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/11/2023, tạm giữ từ ngày 17/11/2023 đến ngày 23/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh Trần Đức B, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B1, xã B2, huyện B3, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện tại: Số B4 B 2, phường B, quận B1, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 50 ngày 16/11/2023, tại khu vực xóm C, thôn C1 1, xã Phù Đồng, K, Hà Nội tổ công tác Công an xã C1 thuộc công an huyện K phát hiện bắt quả tang Trịnh Văn A có hành vi cướp giật chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 của anh Trần Đức B, sinh năm 1984, trú tại: Thôn B1, B2, B3, Thái Nguyên. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa A cùng tang vật về Công an xã C1 làm việc.

Vật chứng thu giữ của Trịnh Văn A:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, số IMEI: 353067116402316, gắn sim số: 0986126493 (loại esim), cũ đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, số IMEI 1: 860646041254052, Số IMEI 2: 86064041254045, cũ đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trịnh Văn A khai nhận: Do thiếu tiền tiêu xài nên A nảy sinh ý định thuê xe Grab để thực hiện hành vi cướp giật điện thoại của lái xe. Để thực hiện mục đích trên, khoảng 18 giờ 15 phút ngày 16/11/2023, A sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, số IMEI 1: 860646041254052, Số IMEI 2: 86064041254045 vào ứng dụng Grab thuê xe của anh Trần Đức B, sinh năm 1984, trú tại: Thôn B1, B2, B3, Thái Nguyên điều khiển xe mô tô BKS: 2014-6271 chở A đi từ số C2 C3, C4, Hà Nội đến khu vực Đền C5, C1, K, Hà Nội. Khi đến khu vực đền C5, A thấy có đông người qua lại khó thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên A đã yêu cầu anh B tiếp tục đi theo chỉ dẫn của A. Đến khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường vắng người thuộc khu vực Xóm C, C1 1, C1, K, Hà Nội A bảo anh B dừng xe, A và anh B xuống xe (đứng cạnh xe), A trả 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng) tiền thuê xe cho anh B. Khi anh B chuẩn bị quay xe thì bất ngờ A dùng tay phải giật chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen đặt trên giá đỡ gắn ở mặt đồng hồ xe máy và bỏ chạy và cất chiếc điện thoại vừa giật được vào trong túi quần sịp đang mặc. Khi A bỏ chạy đến khu vực xóm C, thôn C1 1, xã C1, K, Hà Nội thì bị anh B cùng lực lượng Công an xã C1 bắt giữ cùng vật chứng.

Tại kết luận định giá số 177/KL-HĐĐGTS ngày 23/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K kết luận:

01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, loại 64GB, số IMEI: 353067116229610, mua mới năm 2021, tại thời điểm ngày 16/11/2023 có giá trị 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, số IMEI 1: 860646041254052, số IMEI 2: 86064041254045, cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trịnh Văn A có liên quan đến hành vi phạm tội. Hiện Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã thu giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, số IMEI: 353067116402316, gắn sim số: 0986126493 (loại esim), cũ đã qua sử dụng. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại trên thuộc quyền sở hữu của anh Trần Đức B, bị A chiếm đoạt ngày 16/11/2023. Ngày 11/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc điện thoại trên cho anh Trần Đức B. Anh B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường dân sự cho anh B.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện K, Trịnh Văn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSGL ngày 24 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Trịnh Văn A về tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là anh Trần Đức B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó có lời khai: Về hình phạt: Anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Anh đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, số IMEI: 353067116402316, gắn sim số: 0986126493 (loại esim) và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Văn A từ 15 đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2023; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu xung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, số IMEI 1: 860646041254052, Số IMEI 2: 86064041254045, cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trịnh Văn A.

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã xử lý các vật chứng khác theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên không xét.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ quyền công tố luận tội, bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại là anh Trần Đức B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh B không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh*:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 50 ngày 16/11/2023, tại khu vực xóm C, thôn C1 1, xã C1, K, Hà Nội, bị cáo Trịnh Văn A đã có hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, loại 64GB, số IMEI: 353067116229610 có giá trị

8.500.000 đồng của anh Trần Đức B. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản*"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo*:

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo*: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện K tại phiên toà là phù hợp.

[4.5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã trao trả chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, số IMEI: 353067116402316, gắn sim số: 0986126493 (loại

esim), cũ đã qua sử dụng cho anh Trần Đức B là đúng quy định của pháp luật, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, số IMEI 1: 860646041254052, Số IMEI 2: 86064041254045, cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trịnh Văn A là phương tiện có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi bị hại có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn A phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Văn A 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2023.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, số IMEI 1: 860646041254052, Số IMEI 2: 86064041254045, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trịnh Văn A (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 27/02/2024).

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã xử lý các vật chứng khác theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên không xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi bị hại có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Bị cáo Trịnh Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Trần Đức B vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã A2 (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA